

Số: /2023/NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng năm 2023

## NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 115/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Báo cáo thẩm tra số 58/BC-BPC ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản quy định tại Điều 111, Điều 114, Điều 128



và giúp cơ quan, người có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ) (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2016/NĐ-CP) được ngân sách nhà nước cấp kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, gồm:

- a) Sở Tư pháp;
- b) Phòng Tư pháp thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;
- d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch.

## **Điều 2. Mức chi công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật**

1. Các nội dung chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành. Cụ thể như sau:

a) Đối với các khoản chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản) được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 59/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định chế độ công tác phí trong nước, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

b) Đối với các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và đội ngũ cộng tác viên được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

c) Đối với các khoản chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 15/2014/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2014 của Hội



đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi kinh phí ngân sách nhà nước đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

d) Đối với các khoản chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 58/2017/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

đ) Đối với chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

e) Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản được thực hiện theo hợp đồng giữa các bên và quy định của Bộ luật Dân sự về hợp đồng.

2. Một số mức chi đặc thù trong kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

Chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

### **Điều 3. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí Ngân sách Nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

### **Điều 5. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Mười Bốn thông qua ngày 14 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 24/2012/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phê chuẩn quy định nội dung chi, mức chi cụ thể cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy; Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTr. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Kho bạc Nhà nước Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Website Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT, STP, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Viết Thanh**



**Phụ lục**  
**MỘT SỐ MỨC CHI ĐẶC THÙ TRONG KIỂM TRA, XỬ LÝ VÀ RÀ**  
**SOÁT, HỆ THỐNG HÓA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

(Kèm theo Nghị quyết số ...../2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023  
của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Số thứ tự	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
I	<b>Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật</b>		
1	Chủ trì cuộc họp	Đồng/người/buổi	150.000
2	Các thành viên tham dự	Đồng/người/buổi	100.000
II	<b>Chi lấy ý kiến chuyên gia</b>	Đồng/01 văn bản được xin ý kiến	1.500.000
III	<b>Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản</b>		
1	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản (Bao gồm cả báo cáo tổng hợp và báo cáo của từng sở, ban, ngành, địa phương), cụ thể:		
a)	Báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Đồng/01 báo cáo	7.000.000
b)	Báo cáo của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên	Đồng/01 báo cáo	3.000.000

Số thứ tự	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
	ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập		
c)	Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập	Đồng/01 báo cáo	1.500.000
2	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	Đồng/01 báo cáo	400.000
IV	<b>Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp)</b>	Đồng/01 lần chỉnh lý	900.000
V	<b>Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng</b>		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
VI	<b>Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP</b>		
1	Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	Đồng/01 văn bản	250.000
2	Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	Đồng/01 văn bản	500.000
VII	<b>Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm)</b>	Đồng/01 văn bản	200.000
VIII	<b>Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản</b>		
1	Mức chi chung	Đồng/01 văn bản	300.000



Số thứ tự	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
2	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	Đồng/01 văn bản	600.000
IX	<b>Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản</b>	Đồng/01 văn bản	250.000
X	<b>Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP</b>	Đồng/01 văn bản	150.000
XI	<b>Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản</b>		
1	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản	Đồng/01 văn bản	150.000
2	Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật		
a)	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí	Đồng/01 tài liệu (văn bản)	Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
b)	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn (Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo)	Đồng/01 tài liệu (văn bản)	70.000

Số thứ tự	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi
XII	<b>Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản</b>		Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp
XIII	<b>Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm...</b>		Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí